

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của
ngành Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Quyết định Thủ tục hành chính thuộc được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 35/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường (danh mục thủ tục hành chính đính kèm), cụ thể:

1. Cấp tỉnh

- Sửa đổi 09 thủ tục hành chính, gồm:

+ 06 thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc công bố chuẩn hóa

Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, các mã thủ tục hành chính: 1.003634, 1.003586, 1.003861, 1.004694, 1.004923, 1.004921.

+ 03 thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, mã thủ tục hành chính: 1.003650, 1.004929, 1.003851.

- **Bãi bỏ 01** thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, mã thủ tục hành chính: 1.004654.

- Không công bố 02 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của **Cơ sở đăng kiểm tàu cá**, mã thủ tục: 1.003590, 1.003563. Lý do: tỉnh Đồng Nai không có cơ sở đăng kiểm tàu cá.

2. Cấp xã

Sửa đổi 05 thủ tục hành, gồm:

+ 02 thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai các mã thủ tục hành chính: 1.004680, 1.004656 (*chuyển 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh về cấp xã giải quyết*).

+ 03 thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, các mã thủ tục 1.004478, 1.006956, 1.004498.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Thay thế các mã thủ tục: 1.003634, 1.003586, 1.003861, 1.004694, 1.004923, 1.004921, 1.004680, 1.004656 được công bố tại quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025, các mã thủ tục: 1.003650, 1.004929, 1.003851, 1.004478, 1.006956, 1.004498 được Chủ tịch UBND tỉnh

ban hành tại quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Bãi bỏ mã thủ tục 1.004654 được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025.

Các nội dung khác tại Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025, 2233/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	CẤP TỈNH							
I	LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU							
1	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản hoặc Cơ quan chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Điều 19 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản hoặc Cơ quan chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Điều 20 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản hoặc Cơ quan chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Điều 21 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	+ 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế hoặc tàu công vụ thủy sản, trong thời hạn; + 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ; + 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ: theo quy định; - 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt;	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản hoặc Cơ quan chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Điều 22 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy; + Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin.					

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản hoặc Cơ quan chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Điều 25 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	1.004694	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Điều 28 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
7	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản hoặc Cơ quan chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Điều 15 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Điểm a, điểm c, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Điều 5 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

9	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	+ 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng. + 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	Chưa có văn bản quy định	Khoản 9 Điều 10 Luật Thủy sản; Điểm a, điểm c, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Điều 6 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
---	----------	---	--	--	--	--------------------------	--	--

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
II	CẤP XÃ							
1	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	Điều 28 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	a) Công khai phương án: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	Điều b, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Điều 5 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	+ 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng. + 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	Trực tiếp Bộ phận một cửa cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	Khoản 9 Điều 10 Luật Thủy sản; Điểm b, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Điều 6 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	+ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; + 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ trong trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo	Trực tiếp Bộ phận một cửa cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	Khoản 3 Điều 40 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Điều 16 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp Bộ phận một cửa cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	Khoản 3 Điều 40 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Điều 17 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I	Điều 28 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy sản và Kiểm ngư	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính